

Số: 02/2015/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2015

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 10-03-2015

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ: 643

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố
và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND
ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy
định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014//TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng,
điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 289/TTr-TNMT
ngày 09/12/2014 về việc đề nghị ban hành quy định phân khu vực, phân loại
đường phố, phân vị trí đất và bảng giá đất 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân khu vực,
phân loại đường, phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo hệ
thống biểu sau:

1. Đối với nhóm đất nông nghiệp

a) Đất trồng cây hàng năm, gồm:

- Biểu số 01NH/PL-CHN: Phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Na Hang;
- Biểu số 01LB/PL-CHN: Phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Lâm Bình;
- Biểu số 01CH/PL-CHN: Phân loại đất trồng cây hàng năm Chiêm Hóa;
- Biểu số 01HY/PL-CHN: Phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Hàm Yên;
- Biểu số 01SD/PL-CHN: Phân loại đất trồng cây hàng năm Sơn Dương;
- Biểu số 01YS/PL-CHN: Phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Yên Sơn;
- Biểu số 01TP/PL-CHN: Phân loại đất trồng cây hàng năm TP Tuyên Quang.

b) Đất trồng cây lâu năm, gồm:

- Biểu số 02NH/PL-CLN: Phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Na Hang;
- Biểu số 02LB/PL-CLN: Phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Lâm Bình;
- Biểu số 02CH/PL-CLN: Phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Chiêm Hóa;
- Biểu số 02HY/PL-CLN: Phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Hàm Yên;
- Biểu số 02SD/PL-CLN: Phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Sơn Dương;
- Biểu số 02YS/PL-CLN: Phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Yên Sơn;
- Biểu số 02TP/PL-CLN: Phân loại đất trồng cây lâu năm TP Tuyên Quang.

c) Đất trồng rừng sản xuất, gồm:

- Biểu số 03NH/PL-RSX: Phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Na Hang;
- Biểu số 03LB/PL-RSX: Phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Lâm Bình;
- Biểu số 03CH/PL-RSX: Phân loại đất trồng rừng sản xuất Chiêm Hóa;
- Biểu số 03HY/PL-RSX: Phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Hàm Yên;
- Biểu số 03SD/PL-RSX: Phân loại đất trồng rừng sản xuất Sơn Dương;
- Biểu số 03YS/PL-RSX: Phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Yên Sơn;
- Biểu số 03TP/PL-RSX: Phân loại đất trồng rừng sản xuất TP Tuyên Quang.

d) Đất nuôi trồng thủy sản, gồm:

- Biểu số 04NH/PL-NTS: Phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Na Hang;
- Biểu số 04LB/PL-NTS: Phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Lâm Bình;
- Biểu số 04CH/PL-NTS: Phân loại đất nuôi trồng thủy sản Chiêm Hóa;
- Biểu số 04HY/PL-NTS: Phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Hàm Yên;
- Biểu số 04SD/PL-NTS: Phân loại đất nuôi trồng thủy sản Sơn Dương;
- Biểu số 04YS/PL-NTS: Phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Yên Sơn;
- Biểu số 04TP/PL-NTS: Phân loại đất nuôi trồng thủy sản TP Tuyên Quang.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

a) Đất ở nông thôn tại các vị trí còn lại:

- Biểu số 05NH/PL-ONT: Phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Na Hang;
- Biểu số 05LB/PL-ONT: Phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Lâm Bình;
- Biểu số 05CH/PL-ONT: Phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Chiêm Hóa;
- Biểu số 05HY/PL-ONT: Phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Hàm Yên;
- Biểu số 05SD/PL-ONT; Phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Sơn Dương;
- Biểu số 05YS/PL-ONT: Phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Yên Sơn;
- Biểu số 05TP/PL-ONT: Phân loại đất ở nông thôn còn lại TP Tuyên Quang.

b) Đất ở đô thị:

- Biểu số 06NH/PL-OĐT: Phân loại đất ở đô thị huyện Na Hang;
- Biểu số 06CH/PL-OĐT: Phân loại đất ở đô thị huyện Chiêm Hóa;
- Biểu số 06HY/PL-OĐT: Phân loại đất ở đô thị huyện Hàm Yên;
- Biểu số 06SD/PL-OĐT: Phân loại đất ở đô thị huyện Sơn Dương;
- Biểu số 06YS/PL-OĐT: Phân loại đất ở đô thị huyện Yên Sơn;
- Biểu số 06TP/PL-OĐT: Phân loại đất ở đô thị thành phố Tuyên Quang.

c) Xử lý đối với các thửa đất có chiều sâu lớn

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) trong đô thị được xác định theo vị trí của thửa đất ở liền kề hoặc thửa đất ở lân cận gần nhất trên cùng một đoạn đường đó (nếu không có thửa đất liền kề). Trường hợp chiều sâu của thửa đất (tính từ chỉ giới xây dựng đến hết thửa đất) lớn hơn 50 m thì từ mét thứ 51 trở lên được xác định theo vị trí thấp hơn liền kề hoặc bằng với vị trí của thửa đất đó (trường hợp không có vị trí thấp hơn liền kề) quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) ven trục đường giao thông chính (Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) mà có chiều sâu tính từ chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ đến hết thửa đất lớn hơn 60 mét thì từ mét thứ 61 trở lên được xác định theo loại khu vực, vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại cao nhất liền kề quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) tại các vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại mà có chiều sâu lớn hơn 60 mét thì từ mét thứ 61 trở lên được xác định theo vị trí thấp hơn liền kề hoặc bằng với vị trí của thửa đất đó (nếu không có vị trí thấp hơn liền kề) quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất ở ven trục đường giao thông chính mà có chiều sâu tính từ chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ đến hết thửa đất lớn hơn 30 mét thì từ mét thứ 31 trở lên được xác định theo loại khu vực, vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại cao nhất liền kề quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Trường hợp thửa đất trong đô thị, thửa đất bám trục đường giao thông chính (Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) có vị trí bám từ 02 loại đường trở lên thì vị trí thửa đất đó được xác định theo loại đường được xếp loại cao nhất.

Điều 2. Quy định phân khu vực, phân loại đường, phố và phân vị trí đất quy định tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ để xác định giá đất trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172, Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 và giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê.

Điều 3. Giao Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 21/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 5; (Thi hành)
- Các Phó VPUBND tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Trưởng các phòng thuộc khối NCTH;
- Lưu: VT, ĐC, TC (Tỉnh)

(báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Quang